TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2022/HN-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
Tranh chấp về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Nguyễn Thị Lan P

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia)

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2021 tranh chấp về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-STHN, ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1981 (vắng mặt theo đơn đề nghị); nơi thường trú tại Ấp Kinh N, xã Hậu L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.*

Địa chỉ liên lạc số 4D, đường Nguyễn Trung T, Phường 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976 (có mặt)*

Nơi thường trú tại nhà số 26G, đường Cao T, Khóm 2, Phường 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 và các lời khai bà T có trong hồ sơ thể hiện: Hôn nhân giữa bà T và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vĩnh L vào ngày 29/6/2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng gần đây ông P thay đổi tính tình, ghen tuông vô cớ, nhiều lần nhắn tin hăm dọa. Gia đình cha mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P. Về con chung, tài sản chung và nợ tài sản, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P phản bác rằng, từ giữa năm 2020 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông P nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Ông P xác định còn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có con chung, về tài sản và nợ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 02/12/2021 và có ý kiến bảo lưu lời khai tại đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án. Bà T không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P giữ nguyên lời phản bác và không xuất trình nộp tài liệu, chứng cứ gì mới. Ông P khai, vợ chồng có mâu thuẫn với nhau từ tháng 7,8 năm 2021 cho đến nay. Do ông P bắt gặp tin nhắn zalo giữa ông Thường và bà T với nhau, nội dung hỏi thăm qua lại và có cụm từ "nhớ em" nên đây là mối quan hệ không bình thường. Ông P được bà T giải thích nội dung tin nhắn này là bạn quen biết vài tháng. Ông P xác định, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất có lòng tin chung thủy. Thời gian sau này, bà T gian dối vì có lần bỏ nhà đi ở qua đêm tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Trà Vinh nhưng không báo cho ông P biết. Ông P có đến tại khách sạn Cửu Long thuộc tỉnh Trà Vinh thì gặp bà T có đi cùng với 6,7 người đàn ông, thực chất không có đi tập kết gì theo kế hoạch của Công ty. Nay ông P xác định, bà T không còn tình cảm và ông P không còn lòng tin với bà T nên ông P đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, ông P xác định vợ chồng chung sống với nhau, không có con chung. Về tài sản chung, ông P xác định có tài sản chung, sau này sẽ khởi kiện bà T khi có tranh chấp và yêu cầu. Về nợ, ông P xác định thời gian chung sống với bà T, không có nợ tiền hay tài sản gì ai và không có ai nợ tiền và tài sản gì đối với vợ chồng. Về án phí sơ thẩm, ông P đồng ý chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn đề nghị được vắng mặt phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bà T theo luật định.

[2]. Hôn nhân giữa bà T và ông P có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn ngày 29/6/2017.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà T cho rằng nguyên nhân ly hôn là do ông P ghen tuông vô cớ, nhiều lần nhắn tin hăm dọa. Phía ông P xác nhận có nghi ngờ tình cảm của bà T và xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh bằng hình ảnh và lời giao tiếp đối thoại thông qua zalo. Đồng thời ông P xác định, bà T không còn tình cảm, ông P không còn lòng tin tưởng nên hôn nhân không có hạnh phúc. Ông P đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận yêu cầu của bà T và ông P thỏa thuận thuận tình ly hôn với nhau.

[3]. Về con chung, bà T và ông P đồng xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, ông P xác định có tài sản chung và sẽ khởi kiện khi có tranh chấp và yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, dành cho ông P và bà T được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác về tài sản, khi có tranh chấp và yêu cầu.

[5]. Về nợ tài sản, bà T và ông P xác định không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số $N^0$0000807 ngày 12/11/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông P không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 và Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Thanh P. Bà T và ông P được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Dành cho ông P và bà T được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác về tài sản, khi có tranh chấp và yêu cầu.

4. Về nợ tài sản: Bà T và ông P xác định không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số $N^0$0000807 ngày 12/11/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông P không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho các bên đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với ông P được tính từ ngay tuyên án, riêng bà T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thu T

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.